



MARKET LENS

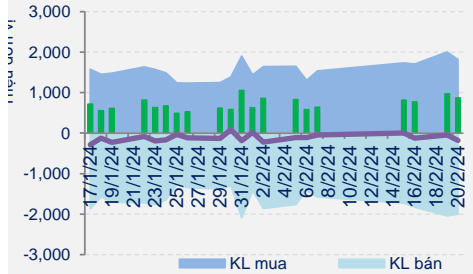
Phiên giao dịch ngày: 20/2/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

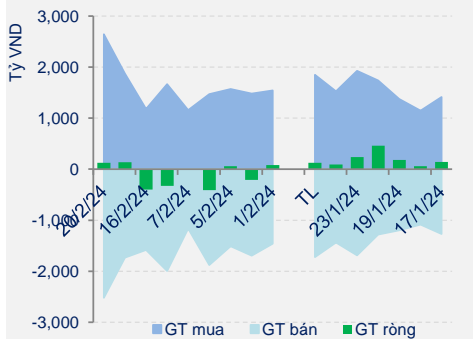
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,230.06	233.50
% Thay đổi	↑ 0.42%	↑ 0.06%
KLGD (CP)	868,915,753	98,528,058
GTGD (tỷ đồng)	21,070.68	1,785.62
Tổng cung (CP)	1,998,905,300	185,876,700
Tổng cầu (CP)	1,820,296,220	142,662,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	81,651,633	3,972,707
KL mua (CP)	84,917,883	4,286,626
GT mua (tỷ đồng)	2,643.45	90.81
GT bán (tỷ đồng)	2,520.62	84.43
GT ròng (tỷ đồng)	122.82	6.37

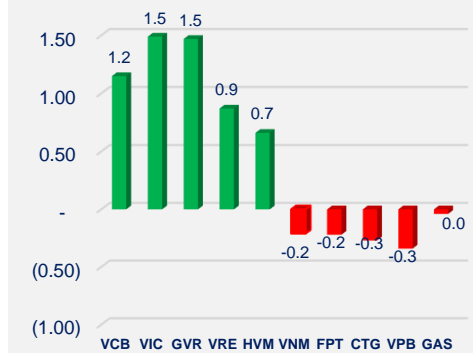
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX tiếp tục duy trì xu hướng tăng giá tích cực, giao dịch sôi động khi đầu phiên tăng lên vùng 1.230 điểm, chịu áp lực rung lắc mạnh về vùng giá 1.220 điểm và kết phiên duy trì phiên tăng điểm thứ 07 liên tiếp lên mức 1.230,06 điểm, tăng 5,09 điểm (+0,42%) so với phiên trước, hướng đến vùng giá 1.235 điểm -1.255 điểm tương ứng vùng đỉnh tháng 08 và 09/2023. HNX-INDEX tăng 0,13 điểm (+0,05%) lên mức 233,50 điểm. Độ rộng duy trì tích cực khi có 320 mã tăng giá (10 mã tăng trần) dù số lượng mã giảm điểm gia tăng dần với 314 mã giảm giá (07 mã giảm sàn) và 177 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 22.845,8 tỉ đồng, giảm 13,36% so với phiên trước, trên mức trung bình, thể hiện thị trường dần phân hóa mạnh hơn, nhiều mã chịu áp lực điều chỉnh trong vùng quá mua ngắn hạn, với áp lực điều chỉnh tương đối bình thường khi giá giảm, khối lượng giao dịch giảm, trong khi vẫn luân chuyển tốt sang nhiều mã với thanh khoản gia tăng tốt. Khối ngoại gia tăng giao dịch mạnh, tiếp tục mua ròng trên HOSE với giá trị 142,06 tỉ đồng, nổi bật với nhóm cổ phiếu VRE, VHM, VIC, hỗ trợ tích cực tâm lý của thị trường, mua ròng trở lại trên HNX với giá trị 6,37 tỉ đồng.

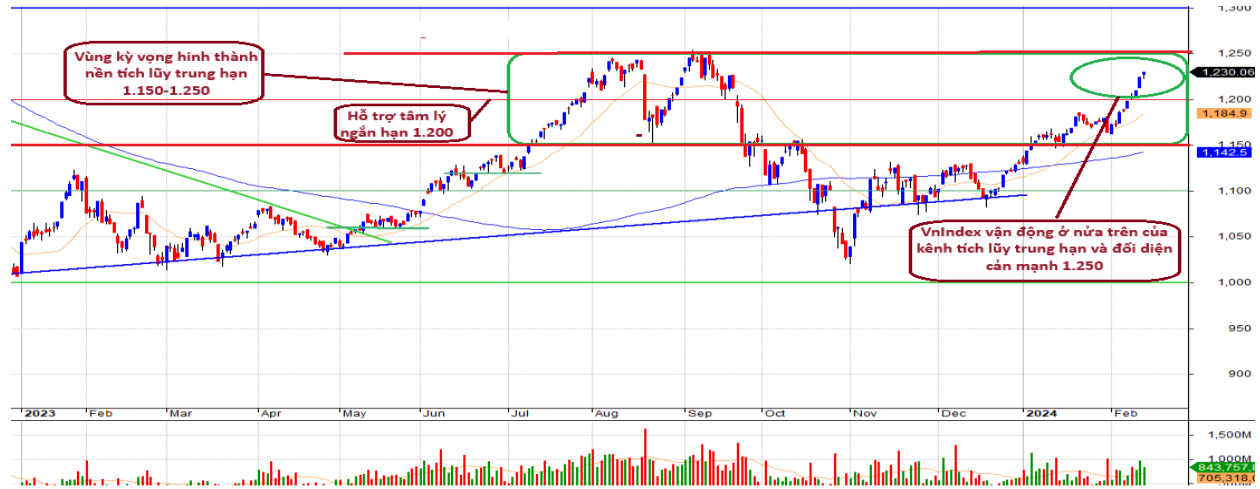
Tại hội nghị đẩy mạnh tín dụng ngân hàng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2024 do Ngân hàng Nhà nước tổ chức ngày 20/2/2024, NHNN thông tin: "Tăng trưởng tín dụng đạt 13,71% tính đến cuối năm 2023, tuy nhiên, đến cuối tháng 1/2024 đã giảm 0,6% so với đầu năm 2023. Trong đó, mức giảm ở 5/9 nhóm TCTD: nhóm NHTM nhà nước giảm 0,88%, nhóm NHTM cổ phần giảm 0,51%, nhóm ngân hàng TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu giảm 2,22%, nhóm ngân hàng 100% vốn nước ngoài giảm 0,32%, nhóm ngân hàng liên doanh giảm 3,41%".

Nhóm cổ phiếu ngân hàng giao dịch kém tích cực trước thông tin trên, đa số tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh, tích lũy trong biên độ hẹp sau giai đoạn tăng giá mạnh với OCB (-1,27%), SHB (-1,25%), VAB (-1,23%), VPB (-1,01%)... ngoài VCB (+1,22%), HDB (+1,07%), VIB (+0,91%)... tăng giá tích cực. Trong khi VRE (+6,03%), VIC (+3,19%), VHM (+1,32%).. tiếp tục tăng giá tích cực nhờ lực mua ròng mạnh từ khối ngoại.

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến tăng giá mạnh ngay từ đầu phiên trước thông tin hệ thống KRX đã thực hiện xong giai đoạn kiểm thử người dùng cuối cùng, đang xem xét triển khai hệ thống trong năm nay, đa số tăng điểm tốt, thanh khoản gia tăng mạnh như VDS (+3,27%), FTS (+2,61%), VIX (+2,23%), AGR (+1,74%)...

Trong khi đó đa số các nhóm ngành còn lại phân hóa khá mạnh, đa số biến động điều chỉnh nhẹ như trong nhóm bất động sản khu công nghiệp với ITA (-0,92%), SZC (-0,84%), BCM (-0,78%)... ngoài các mã vẫn tăng giá mạnh rất tích cực như GVR (+5,22%), SIP (+4,33%), TIP (+2,23%)... Các cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến tương tự, đa số giảm điểm với HQC (-1,41%), IJC (-1,32%), HDG (-1,11%), SCR (-0,94%)... ngoài CCL (+6,93%), NDN (+4,59%), NHA (+3,80%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2403 giảm 0,3 điểm (-0,02%), chênh lệch chuyển sang âm -1,45 điểm so với VN30 sau thời gian dài liên tục chênh lệch dương cho thấy tâm lý ngắn hạn đang có tín hiệu đảo chiều, sau giai đoạn rất lạc quan. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2403 vẫn duy trì tăng trưởng trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.225 điểm, hướng đến vùng kháng cự mạnh 1.240 điểm -1.262 điểm tương ứng đỉnh cũ tháng 08, 09/2023. Các kỳ hạn VN30F2404, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch dương từ 0,25 điểm đến -7,65 điểm so với VN30. Mức chênh lệch mở rộng âm, cho thấy các trader bắt đầu xem xét đóng các vị thế mua khi VN30 hướng đến vùng kháng cự mạnh, gia tăng phòng ngừa rủi ro ở kỳ hạn lớn khi VN30 đang trong vùng quá mua ngắn hạn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Vn-Index có phiên tăng điểm thứ 7 liên tiếp, chốt phiên tăng +5,09 điểm (+0,42%) và đóng cửa ở 1.230,06 điểm. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường trong nhịp tăng và hiện tại Vn-Index đã rất tích cực khi sắp tiệm cận ngưỡng cản mạnh trung hạn 1.250 điểm, vận động này đã được chúng tôi dự báo và khuyến nghị. Hiện tại đà tăng của Vn-Index có thể sẽ gặp khó khăn bởi khả năng rung lắc, điều chỉnh sẽ gia tăng dần khi chỉ số tiến dần tới vùng 1.250 điểm.

Xu hướng trung hạn của Vn-Index vẫn duy trì vận động trong khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới sau giai đoạn giảm sâu và chúng tôi kỳ vọng sẽ trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Thị trường vận động tích cực, Vn-Index đã vượt qua kháng cự tâm lý 1.200 điểm và đang dần tiến tới ngưỡng cản mạnh 1.250 như chúng tôi đã kỳ vọng. Nhà đầu tư ngắn hạn đã tích cực giải ngân trong các phiên trước như khuyến nghị tiếp tục nắm giữ danh mục và hạn chế mua đuổi do thị trường có thể rung lắc, điều chỉnh khi tiệm cận 1.250 điểm. Nhà đầu tư trung, dài hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì gần như đã cơ cấu xong danh mục ổn định, nếu muốn giải ngân thêm nên chờ đợi các giai đoạn điều chỉnh của thị trường.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: n giao dịch ngày:

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DPM	34.75	31-33	38-39	29	25.5	-13.3%	-90.6%	Theo dõi giải ngân
DCM	34.25	31-32	36-37	30	16.4	-20.0%	-50.7%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.70	27.5-28.3	31-32	26	27.5	19.8%	262.1%	Theo dõi giải ngân
PVS	37.30	36.8-37.8	40-41	35	20.6	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	26.70	22.3	28-28.5	25	19.7%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	56.00	45.1	56-58	53	24.2%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.70	27.55	30-31	28	4.2%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.30	18.09	23-24	19	6.7%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Trung Quốc hạ lãi suất cho vay cơ bản, tiếp thêm sức cho thị trường bất động sản

Ngày 20/02, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) đã thông báo giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn một năm ở mức 3,45%. Đây là lãi suất tham chiếu cho hầu hết các khoản cho vay hộ gia đình và doanh nghiệp ở nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Trong khi đó, quyết định hạ lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 5 năm xuống còn 3,95%, giảm 25 điểm cơ bản. Đây là lãi suất tham chiếu cho các khoản vay thế chấp mua nhà ở tại nước này. Động thái này có thể hỗ trợ phần nào cho thị trường bất động sản đang trên đà suy yếu của Trung quốc. Đây cũng lần đầu tiên PBoC có động thái như vậy kể từ lần giảm 10 điểm cơ bản vào tháng 6 năm ngoái.

Tín dụng toàn hệ thống cuối tháng 1 giảm 0,6% so với cuối năm 2023

Tại Hội nghị trực tuyến đầy mạnh tín dụng ngân hàng năm 2024 sáng 20/2, Vụ trưởng phụ trách Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, cho biết tính đến cuối năm 2023, tín dụng toàn nền kinh tế tăng 13,71% so với cuối năm 2022. Tuy nhiên bước sang tháng 1/2024, tín dụng toàn hệ thống giảm 0,6% so với cuối năm 2023. Trước đó ngày 7/2, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cũng đã gửi công văn tới các tổ chức tín dụng cho biết mặc dù có những chính sách thúc đẩy ngay từ đầu năm nhưng tăng trưởng tín dụng đạt mức khá thấp so với các năm gần đây.

Đề xuất tăng lương hưu thêm 8% từ ngày 1/7/2024

Góp ý gửi đến Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về phương án điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của năm 2024, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đề xuất tăng thêm 8% từ ngày 1/7/2024. Với cách tính mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu, trợ cấp một lần theo đề xuất, thì bình quân 5 năm, mức lương hưu của người lao động tăng khoảng 1,5% (chưa tính đến yếu tố trượt giá). Đồng thời, lương hưu của người nghỉ sau ngày 1/7/2024 chỉ tăng 0,13% so với người nghỉ hưu tháng 6/2024.

Dư nợ tín dụng chính sách tăng 48 lần sau 21 năm

Theo Ngân hàng Nhà nước, kể từ khi Ngân hàng Chính sách Xã hội được thành lập vào cuối năm 2002, dư nợ tín dụng chính sách đã tăng gấp 48 lần, từ 7.022 tỷ đồng lên 331.924 tỷ đồng vào cuối năm 2023... Kể từ năm 2002 đến cuối năm 2023, gần 5,2 triệu lao động, trong đó có gần 135 nghìn lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; gần 3,8 triệu lượt học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn... đã được vay tín dụng chính sách. Ngoài ra, hơn 15,6 triệu công trình nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn; gần 747 nghìn căn nhà ở cho các đối tượng chính sách cũng được xây dựng từ nguồn tín dụng này.

TIN DOANH NGHIỆP**Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
lãi gần 1,900 tỷ đồng năm 2023**

Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX) vừa có báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 với tổng doanh thu và lãi sau thuế lần lượt đạt 1,920 tỷ đồng và 1,886 tỷ đồng, tương ứng giảm 44% và 10% so với năm trước. Doanh thu phần lớn đến từ hoạt động đầu tư vốn vào công ty. Trong đó, Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HOSE) mang về hơn 1,395 tỷ đồng và nguồn thu từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) gần 462 tỷ đồng. Đáng chú ý, tổng chi phí năm 2023 của VNX chỉ khoảng 27 tỷ đồng. Về hiệu quả hoạt động, tại thời điểm 31/12/2023, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) của VNX đạt 62.9% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) đạt 55.7%

**CMG sắp phát hành 435.2 ngàn cp
ESOP giá 10,000 đồng/cp**

CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC (HOSE: CMG) sẽ phát hành 435.2 ngàn cp ESOP đợt 2 (chiếm 0.23% cổ phiếu lưu hành) cho cán bộ chủ chốt, với giá 10,000 đồng/cp, tức thấp hơn 75% thị giá tại ngày thông qua phương án 19/02. Qua đó, CMG sẽ huy động được gần 4.4 tỷ đồng, mục đích nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Phương án dự kiến được thực hiện trong giai đoạn từ quý 1 và quý 2/2024.

**Thành viên của Xuân Thiện Group
chi hơn 1.400 tỷ đồng mua lại trái
phiếu trước hạn**

Theo thông tin trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Công ty TNHH Xuân Thiện Đắc Lắc vừa hoàn tất mua lại toàn bộ khối lượng đang lưu hành của 5 lô trái phiếu trước hạn trong cùng một ngày. Giá trị mua lại khoảng 1.412 tỷ đồng trong tổng giá trị đang lưu hành là 1.580 tỷ. Ngày 18/8/2020, Xuân Thiện Đắc Lắc từng phát hành 6 lô trái phiếu có kỳ hạn từ 7 năm đến 12 năm với tổng trị giá 1.880 tỷ đồng, tương ứng đáo hạn từ năm 2027 - 2032. Công ty TNHH Xuân Thiện Đắc Lắc nằm trong hệ sinh thái của Xuân Thiện Group, đồng thời đang là chủ đầu tư của nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện - Ea Súp 4.

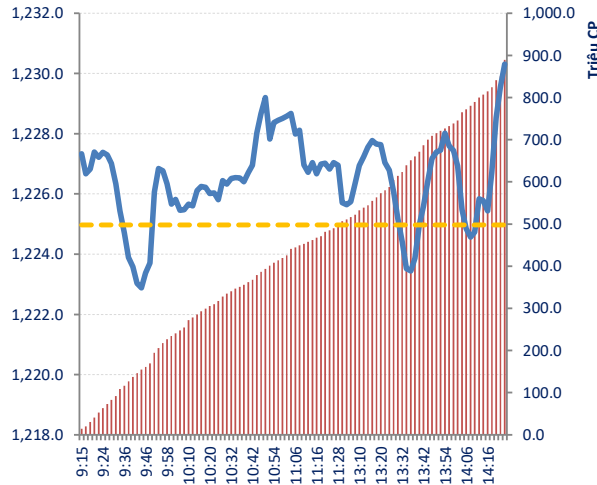
**Một doanh nghiệp Việt Nam vừa
trúng gói thầu 33.500 tấn gạo của
Indonesia**

Cơ quan Hậu cần Quốc gia Indonesia (Bulog) vừa công bố thông tin các doanh nghiệp trúng thầu trong gói 500.000 tấn gạo. Trong đó, có một cái tên gây bất ngờ là King Green, được người tiêu dùng Việt Nam biết nhiều hơn thông qua thương hiệu Vua Gạo, là doanh nghiệp trúng gói thầu số 2 với 33.500 tấn gạo. Người tiêu dùng nội địa đã quen với thương hiệu Vua Gạo (thương hiệu gạo của công ty King Green) trong suốt 7 năm qua, không ngờ rằng doanh nghiệp vừa lấn sân qua thị trường quốc tế đã có một kết quả đáng tự hào cho ngành xuất khẩu gạo của Việt Nam.

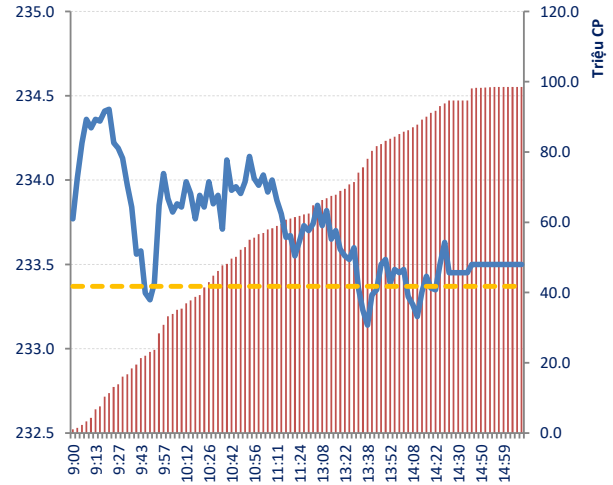


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

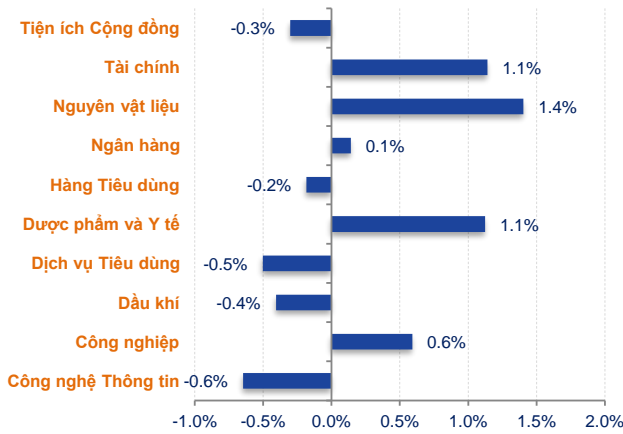
KLGD và VN-Index trong phiên



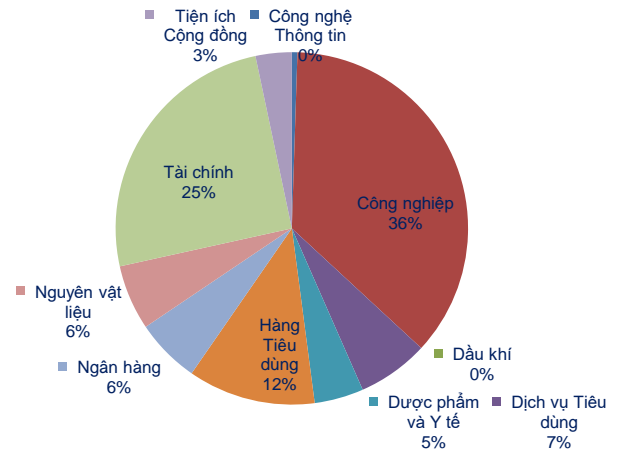
KLGD và HNX-Index trong phiên



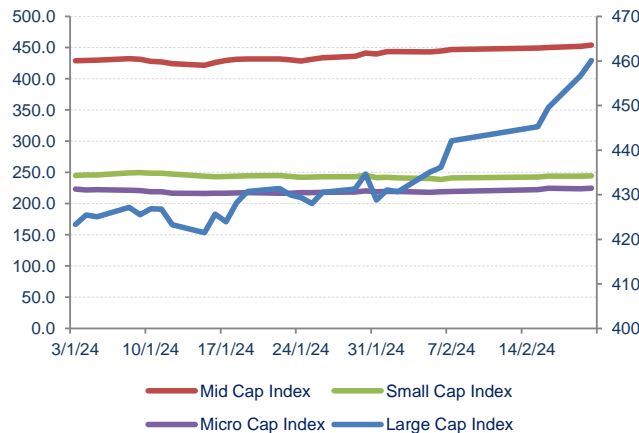
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



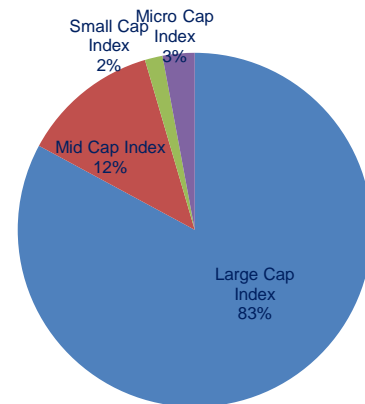
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MSB	15,048,350	CII	3,876,000	1	CEO	1,252,400	SHS	982,900
2	VIX	7,919,038	VPB	3,804,002	2	HUT	261,800	PVS	419,800
3	VRE	4,521,028	GEX	2,809,544	3	DTD	224,179	NRC	132,600
4	VHM	2,585,353	STB	2,758,604	4	MBS	177,225	EID	80,000
5	VIC	2,300,885	MWG	1,856,020	5	DHT	128,300	VGS	76,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	17.90	18.30	↑ 2.23%	49,421,900	SHS	17.90	18.00	↑ 0.56%	23,529,593
SHB	12.00	11.85	↓ -1.25%	42,615,900	CEO	21.70	21.90	↑ 0.92%	16,036,963
MSB	15.60	15.60	→ 0.00%	37,860,600	PVS	37.50	37.30	↓ -0.53%	5,285,602
NVL	17.55	17.55	→ 0.00%	36,292,700	MST	6.40	7.00	↑ 9.38%	4,865,840
VRE	24.05	25.50	↑ 6.03%	27,613,900	HUT	19.20	19.40	↑ 1.04%	4,727,119

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCL	8.22	8.79	0.57	↑ 6.93%	VNT	34.00	37.40	3.40	↑ 10.00%
TNA	5.94	6.35	0.41	↑ 6.90%	L43	3.00	3.30	0.30	↑ 10.00%
TDG	3.82	4.08	0.26	↑ 6.81%	NBW	23.90	26.20	2.30	↑ 9.62%
ST8	11.20	11.95	0.75	↑ 6.70%	MCO	13.70	15.00	1.30	↑ 9.49%
SHI	13.90	14.80	0.90	↑ 6.47%	MST	6.40	7.00	0.60	↑ 9.38%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTL	19.05	16.20	-2.85	↓ -14.96%	SGH	29.50	26.60	-2.90	↓ -9.83%
PNC	9.84	9.16	-0.68	↓ -6.91%	SGD	14.30	12.90	-1.40	↓ -9.79%
SRF	9.37	8.73	-0.64	↓ -6.83%	SGC	65.90	59.50	-6.40	↓ -9.71%
TTE	12.10	11.30	-0.80	↓ -6.61%	GDW	28.90	26.10	-2.80	↓ -9.69%
PMG	8.90	8.40	-0.50	↓ -5.62%	L61	4.20	3.80	-0.40	↓ -9.52%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	49,421,900	11.6%	1,444	12.4	1.4
SHB	42,615,900	16.1%	2,064	5.8	0.9
MSB	37,860,600	16.0%	2,322	6.7	1.0
NVL	36,292,700	1.8%	413	42.5	0.8
VRE	27,613,900	12.4%	1,940	12.4	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	23,529,593	5.7%	688	26.0	1.4
CEO	16,036,963	3.1%	408	53.2	1.8
PVS	5,285,602	6.6%	1,812	20.7	1.3
MST	4,865,840	9.1%	1,004	6.4	0.6
HUT	4,727,119	0.6%	82	234.5	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CCL	↑ 6.9%	8.7%	971	8.5	0.7
TNA	↑ 6.9%	0.7%	85	70.2	0.5
TDG	↑ 6.8%	1.3%	165	23.1	0.3
ST8	↑ 6.7%	1.4%	144	77.6	1.1
SHI	↑ 6.5%	1.0%	122	113.5	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNT	↑ 10.0%	-8.5%	(1,022)	-	2.6
L43	↑ 10.0%	-54.5%	(3,761)	-	0.6
NBW	↑ 9.6%	14.1%	2,324	10.3	1.5
MCO	↑ 9.5%	0.6%	80	171.8	1.1
MST	↑ 9.4%	9.1%	1,004	6.4	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	15,048,350	16.0%	2,322	6.7	1.0
VIX	7,919,038	11.6%	1,444	12.4	1.4
VRE	4,521,028	12.4%	1,940	12.4	1.4
VHM	2,585,353	20.0%	7,607	6.0	1.1
VIC	2,300,885	1.5%	533	88.2	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	1,252,400	3.1%	408	53.2	1.8
HUT	261,800	0.6%	82	234.5	1.5
DTD	224,179	19.5%	4,328	6.6	1.1
MBS	177,225	12.3%	1,334	20.3	2.4
DHT	128,300	9.1%	1,147	23.2	2.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	504,136	21.7%	5,910	15.3	3.0
BID	281,031	19.0%	3,781	13.0	2.3
VHM	198,341	20.0%	7,607	6.0	1.1
CTG	190,098	17.0%	3,723	9.5	1.5
GAS	182,131	18.4%	5,053	15.7	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	18,414	22.6%	4,221	13.2	3.0
PVS	17,924	6.6%	1,812	20.7	1.3
HUT	17,136	0.6%	82	234.5	1.5
SHS	14,556	5.7%	688	26.0	1.4
THD	13,590	3.0%	470	75.1	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DC4	2.85	15.8%	1,946	5.9	0.9
VPG	2.66	1.3%	232	76.3	1.0
VNE	2.48	1.1%	139	46.4	0.5
PIT	2.41	-7.9%	(632)	-	0.8
GIL	2.41	1.1%	395	78.3	0.9

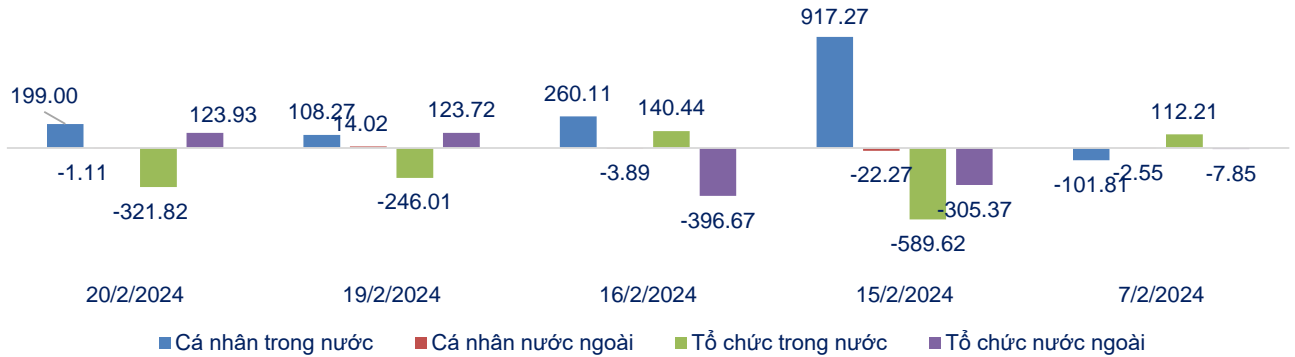
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TSB	3.06	5.3%	627	76.7	4.1
HCT	2.88	-4.4%	(871)	-	0.5
VC7	2.63	3.6%	496	25.0	1.2
VIG	2.54	9.6%	685	11.1	1.0
VC2	2.31	2.0%	293	36.2	0.8



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	102.96	18.3%	4,094	7.5	1.3
CII	85.28	2.2%	683	28.4	0.7
VPB	84.71	8.3%	1,445	13.7	1.1
NVL	75.47	1.8%	413	42.5	0.8
MWG	61.13	0.7%	115	408.4	2.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	-167.58	11.6%	1,444	12.4	1.4
VRE	-157.10	12.4%	1,940	12.4	1.4
VHM	-130.01	20.0%	7,607	6.0	1.1
VIC	-98.42	1.5%	533	88.2	1.2
GMD	-57.26	25.2%	7,333	9.6	2.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	10.70	5.1%	748	22.3	1.4
MSB	9.06	16.0%	2,322	6.7	1.0
STB	3.19	18.3%	4,094	7.5	1.3
VND	2.70	13.0%	1,657	13.9	1.7
SAB	1.61	16.4%	3,210	18.0	2.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-11.09	0.7%	115	408.4	2.9
OCB	-8.60	15.3%	2,034	7.7	1.1
VRE	-2.78	12.4%	1,940	12.4	1.4
SSI	-2.22	10.1%	1,531	23.0	2.3
HTN	-1.55	4.0%	668	22.9	0.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	48.18	1.6%	389	57.2	0.9
VRE	42.34	12.4%	1,940	12.4	1.4
VNM	39.72	26.2%	4,248	16.9	4.3
EVF	27.27	5.1%	748	22.3	1.4
DCM	27.25	10.7%	2,091	16.4	1.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-193.19	16.0%	2,322	6.7	1.0
NVL	-60.65	1.8%	413	42.5	0.8
HPG	-39.70	6.9%	1,175	24.8	1.7
DGC	-31.26	27.2%	8,186	11.8	3.1
MBB	-30.03	23.5%	3,966	6.0	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

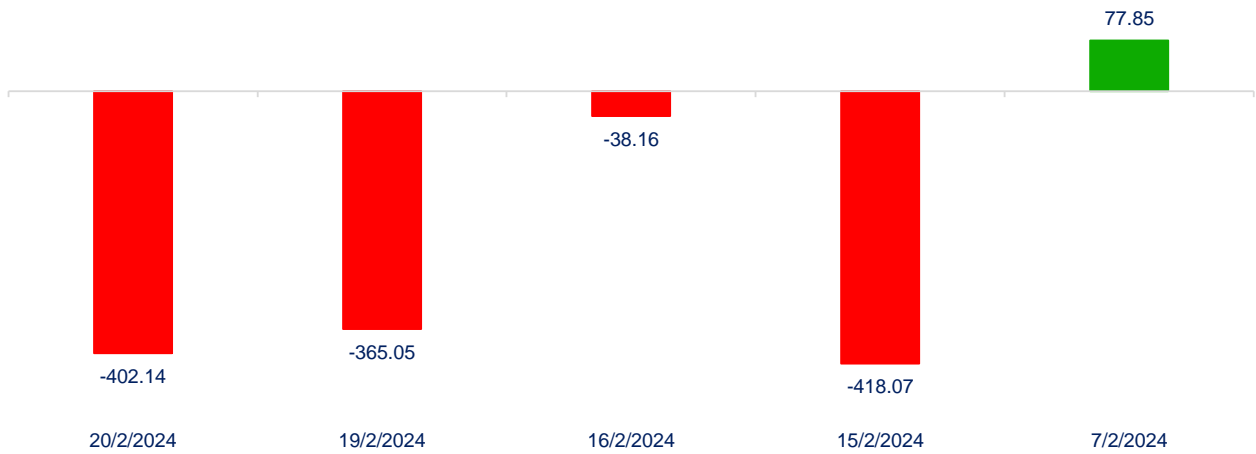
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	210.10	16.0%	2,322	6.7	1.0
VIX	145.03	11.6%	1,444	12.4	1.4
VHM	120.07	20.0%	7,607	6.0	1.1
VRE	117.54	12.4%	1,940	12.4	1.4
VIC	112.04	1.5%	533	88.2	1.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

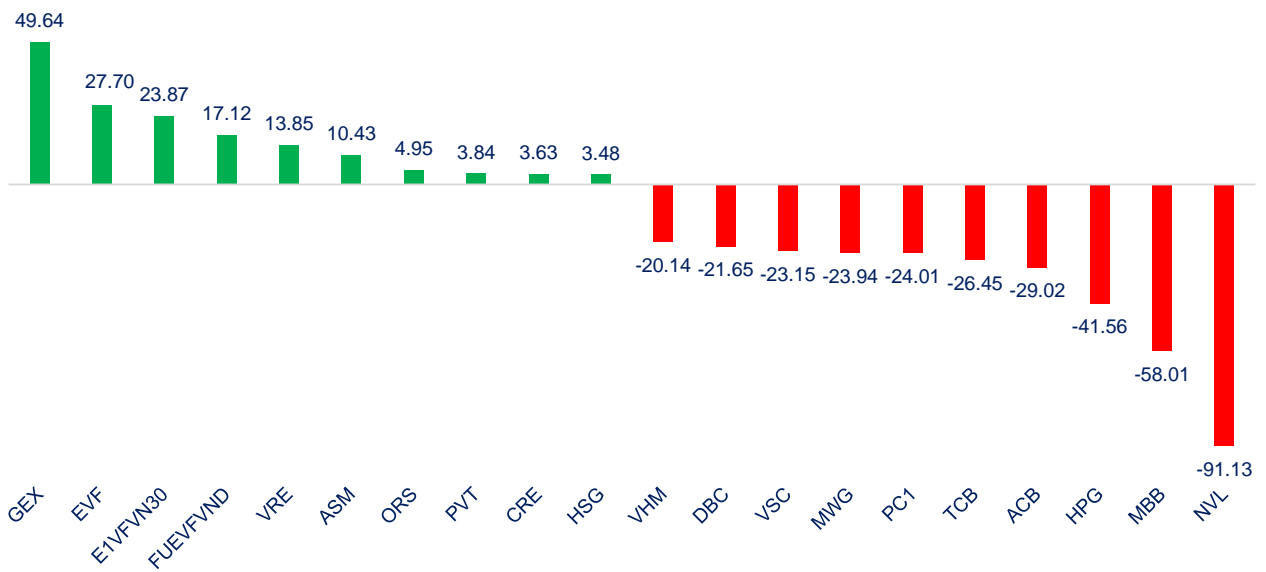
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-88.02	18.3%	4,094	7.5	1.3
VPB	-75.67	8.3%	1,445	13.7	1.1
MWG	-75.12	0.7%	115	408.4	2.9
CII	-74.38	2.2%	683	28.4	0.7
GEX	-63.17	1.6%	389	57.2	0.9



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn